

QUY TRÌNH Quản lý rừng trồng

1. Mục tiêu

- Trồng rừng cùng với bảo vệ diện tích rừng trồng hiện có, để tăng độ che phủ của rừng, góp phần đảm bảo an ninh môi trường, giảm nhẹ thiên tai, tăng khả năng sinh thủy, bảo tồn nguồn gen và tính đa dạng sinh học.

- Sử dụng có hiệu quả diện tích đất trống, đồi núi trọc, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, góp phần xoá đói, giảm nghèo, định canh, định cư, tăng thu nhập cho dân cư sống ở nông thôn miền núi, ổn định chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, nhất là ở vùng biên giới.

- Cung cấp gỗ làm nguyên liệu để sản xuất giấy, ván nhân tạo, đáp ứng nhu cầu gỗ, củi và các lâm đặc sản khác cho tiêu dùng trong nước và sản xuất hàng xuất khẩu, cùng với phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, đưa lâm nghiệp trở thành một ngành kinh tế quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Công ty.

2. Đối tượng

Đất để trồng rừng là đất lâm nghiệp chưa có rừng, là trạng thái Ia, Ib, Ic, đã được quy hoạch để trồng rừng trong Lâm phần Công ty quản lý.

3. Quy trình quản lý

3.1. Quy trình thiết kế trồng và chăm sóc rừng trồng

Việc thiết lập khu rừng trồng mới, Công ty tuân thủ các luật, các quy định hiện hành của nhà nước, đồng thời tuân thủ theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững VFCS/PEFC.

Trước khi trồng rừng, cần đánh giá tác động môi trường, xã hội, xác định rừng có giá trị bảo tồn cao để có biện pháp quản lý phù hợp;

3.1.1. Công tác chuẩn bị

a) Thu thập tài liệu

- Thu thập bản đồ địa hình tỉ lệ là 1/5.000, 1/10.000, 1/25.000 hoặc 1/50.000, hệ tọa độ VN2000.

- Thu thập tài liệu, văn bản có liên quan đến công tác thiết kế trồng rừng;

b) Nội dung chuẩn bị

- Khảo sát hiện trường.

- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đo đạc, kinh phí.

- Quyết định có liên quan, đơn giá vật tư, lao động ...

- Dự kiến kế hoạch thực hiện.

3.1.2. Công tác ngoại nghiệp

a) Kiểm tra độ chính xác của bản đồ địa hình thiết kế.

- Bản đồ địa hình sử dụng trong thiết kế trồng rừng tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000;
- Ra thực địa kiểm tra độ chính xác của bản đồ địa hình bằng máy định vị GPS cầm tay.

b) Đơn vị thiết kế

- Lô: Lô là đơn vị cơ bản của thiết kế trồng rừng được phân chia từ khoảnh có điều kiện tự nhiên tương đối đồng nhất (Loại đất, loại thực bì, loại địa hình) và áp dụng một biện pháp kinh doanh, lô có diện tích nhỏ nhất là 0,5 ha, lớn nhất không quá 10 ha. Thử tự lô được ghi bằng chữ cái Việt Nam trong phạm vi từng khoảnh.

- Khoảnh: Khoảnh là đơn vị thống kê tổng hợp, tạo điều kiện thuận lợi xác định vị trí trên thực địa, phân chia khoảnh dựa vào địa hình để nhận biết và bền vững để phân chia, khoảnh có diện tích nhỏ nhất là 50 ha, lớn nhất không quá 150 ha, được đánh số bằng chữ cái A Rập trong phạm vi từ tiểu khu.

- Tiểu khu là đơn vị cơ bản để quản lý tài nguyên rừng và đất rừng, tiểu khu có diện tích trung bình 1000 ha được đánh số bằng chữ số A Rập từ tiểu khu số 1 đến tiểu khu cuối cùng trong phạm vi toàn tỉnh.

c) Phân chia lô xác định ranh giới, diện tích lô, đóng mốc.

- Phân chia lô, xác định ranh giới lô

Trước tiên dựa vào địa hình, dự kiến phân chia lô trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000, sau đó ra thực địa, bằng phương pháp xác định đơn giản, hoặc dùng máy định vị GPS, xác định ranh giới lô, phát đường ranh và cắm mốc sao cho ranh giới lô và cọc mốc trên bản đồ trùng khớp với trên thực địa.

Mốc lô làm bằng cọc gỗ, có kích thước 6 x 50 cm, trên cọc mốc ghi rõ tên lô bằng sơn đỏ. Mốc lô phải đóng ở đầu các đường ranh giới lô và chỗ giáp ranh với các lô, khoảnh khác. Nơi có tảng đá tự nhiên, gốc cây to, có thể lợi dụng làm cọc mốc. Trường hợp đường ranh giới lô là đường thẳng kéo dài thì cứ cách 50m cắm 1 cọc mốc ở nơi dễ nhận biết.

- Xác định diện tích lô trên bản đồ:

Tính diện tích lô trên bản đồ bằng phần mềm Mapinfo trên máy vi tính.

- Kiểm tra diện tích lô:

Ra thực địa dùng máy định vị GPS cầm tay đo vẽ lại bản đồ và tính lại diện tích, nếu sai số về diện tích giữa thiết kế và diện tích kiểm tra dưới 5% thì chấp nhận kết quả thiết kế. Nếu sai số lớn hơn thì phải đo đạc lại.

d) Khảo sát các yếu tố tự nhiên, sản xuất nơi thiết kế

Sử dụng phương pháp điều tra mô tả, kết hợp mục trắc và dụng cụ đơn giản như GPS, thước dây, dao cỏ, cuốc xẻng để khảo sát các yếu tố tự nhiên, sản xuất cho từng lô, theo các nội dung như phụ biểu 1.

e) Hoàn chỉnh tài liệu ngoại nghiệp

Kiểm tra các tài liệu ngoại nghiệp, kết quả khảo sát các yếu tố tự nhiên, phân chia lô, ranh giới, diện tích, dự kiến biện pháp kỹ thuật trồng rừng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, bản đồ thiết kế.

3.1.3. Công tác nội nghiệp

a) Xác định biện pháp kỹ thuật trồng rừng

Dựa vào điều kiện tự nhiên đã khảo sát, gồm loại đất, loại thực bì, dạng địa hình, đặc điểm sinh thái của loại cây trồng, mục đích kinh doanh để chọn loại cây trồng và xác định biện pháp kỹ thuật trồng rừng thích hợp, chăm sóc và bảo vệ cho từng phương thức trồng.

b) Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Dựa vào các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của Nhà nước, của địa phương và thực tế của đơn vị sản xuất, đơn vị thiết kế cùng đơn vị sản xuất, xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

c) Tính toán nội nghiệp, hoàn thành kết quả thiết kế

(1) Tính toán diện tích trồng rừng, chi phí trồng, chăm sóc, bảo vệ cho 1 ha theo từng phương thức trồng rừng. Tổng hợp diện tích, kinh phí trồng rừng theo phương thức, lô, khoảnh, tiểu khu và địa danh.

(2) Viết thuyết minh thiết kế trồng rừng

Nội dung bản thuyết minh bao gồm:

Lời nói đầu.

Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội nơi thiết kế

Các giải pháp kỹ thuật.

Khối lượng công trình theo từng phương thức trồng rừng

Kinh phí đầu tư

Kết luận, kiến nghị.

(3) Xây dựng bản đồ thiết kế trồng rừng

Nội dung bản đồ thiết kế phải thể hiện:

- Nền địa hình gồm đường bình độ, đỉnh núi, sông suối, đường giao thông, làng bản.

- Khu vực trồng rừng, gồm đường ranh giới lô, khoảnh, tiểu khu, mốc lô, khoảnh, biển báo.

- Trong mỗi lô trồng rừng, cần ghi công thức kỹ thuật trồng rừng. Công thức được ghi theo kí hiệu, gồm loài cây trồng, diện tích lô, năm trồng.

Thành quả thiết kế trồng rừng được làm thành ít nhất 4 bộ. Mỗi bộ bao gồm 01 bản đồ thiết kế trồng rừng, 01 bản thuyết minh và các phụ biểu kèm theo.

3.1.4. Trình tự phê duyệt hồ sơ thiết kế

a) Phê duyệt thiết kế

- Cấp Công ty: Phê duyệt hồ sơ thiết kế thuộc nguồn vốn Công ty quản lý và đầu tư.

- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật lập hồ sơ thiết kế, tổ thẩm tra Công ty kiểm tra, thẩm định hiện trường, hồ sơ thiết kế, các hạng mục công trình và trình Chủ tịch Công ty phê duyệt hồ sơ thiết kế để thực hiện.

- Hồ sơ thiết kế trồng rừng phải được phê duyệt xong ít nhất 1 tháng trước khi trồng rừng.

b) Bàn giao thành quả thiết kế

Sau khi thành quả thiết kế được cấp trên phê duyệt, đơn vị thiết kế phải bàn giao thành quả thiết kế cho đơn vị sản xuất.

Thành quả thiết kế bàn giao cho các đơn vị (1) Cấp phê duyệt; (2) Đơn vị thi công; (3) Tài vụ Công ty; (4) Đơn vị thiết kế để lưu.

Nội dung bàn giao là (1) hướng dẫn đơn vị sản xuất sử dụng tài liệu thiết kế; (2) bàn giao hiện trường trồng rừng tại thực địa.

3.2. Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng trồng

3.2.1. Biện pháp kỹ thuật trồng rừng

Trước khi thiết kế trồng rừng cần đánh giá tác động môi trường khu vực định trồng rừng để giảm thiểu tác động môi trường, xác định rừng có giá trị bảo tồn cao. Nếu có các loài động thực vật quý hiếm thì không được trồng rừng tại khu vực đó, phải để lại môi trường sống cho chúng.

a) Loại cây trồng

- Toàn bộ diện tích thiết kế được bố trí trồng cây thuần loài

b) Mật độ trồng

Công ty áp dụng các mật độ trồng rừng khác nhau tùy theo điều kiện lập địa và khí hậu từng khu vực. Cụ thể phương thức trồng rừng như sau:

- Trồng rừng toàn diện, áp dụng các mật độ trồng:

+ Mật độ trồng: 1.600cây/ha. Cự ly: Hàng cách hàng 2,5m; cây cách cây 2,5m.

+ Mật độ trồng: 2.000cây/ha. Cự ly: Hàng cách hàng 2,5m; cây cách cây 2,0m.

+ Mật độ trồng: 2.500cây/ha. Cự ly: Hàng cách hàng 2,0m; cây cách cây 2,0m.

c) Phương thức trồng

Trồng thuần loài trên toàn bộ diện tích của các lô thiết kế.

d) Phương pháp trồng

Trồng bằng cây con có bầu Pôlyetylen, kích thước bầu 7 x 12 cm.

e) Phương pháp xử lý thực bì

Phát dọn thực bì toàn diện, gốc phát < 15 cm, băm dập thành từng đoạn ngắn có chiều dài < 50cm, tiến hành dọn theo đường đồng mức để trồng và có chừa lại một số cây gỗ có mục đích mọc rải rác trên lô.

Phương thức xử lý thực bì tại chỗ. Nếu đốt thì phải thực hiện theo quy trình quản lý lửa rừng nghiêm ngặt tại mục 6.1 của quy trình này.

f) Phương pháp làm đất: Làm đất cục bộ theo hố

Đào hố thủ công: Kích thước hố: 30 x 30 x 30 cm.

Kỹ thuật đào và lấp hố:

Khi đào lớp đất mặt để về một phía, lớp đất dưới để phía đối diện, khi lấp hố cho lớp đất mặt xuống trước, hố được đào trước khi trồng 1 tháng, lấp hố trước khi trồng 15 - 20 ngày.

g) Tiêu chuẩn cây con và số lượng cây giống:

- Tiêu chuẩn:

Tất cả các loài cây đưa vào trồng rừng đều phải đảm bảo chất lượng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

+ Đối với cây mô: Cây giống phải đủ từ 3,5-5 tháng kể từ lúc cấy cây vào bầu; chiều cao đạt từ 25cm trở lên; đường kính cổ rễ từ 0,25cm trở lên; rễ phát triển tốt, có nốt sần; không cong queo sâu bệnh, không cụt ngọn; hình dáng cân đối.

+ Đối với cây hom: Cây giống phải đủ từ 3,5-5 tháng kể từ lúc giâm hom; Chiều cao đạt từ 30cm trở lên; Bộ rễ phát triển tốt, có nốt sần; không cong queo sâu bệnh, không cụt ngọn; hình dáng cân đối.

- Số lượng cây giống: Tùy thuộc vào diện tích trồng rừng và mật độ trồng từng khu vực.

h) Kỹ thuật trồng

- Chọn những ngày có mưa phùn hoặc mưa nhỏ liên tục, thời tiết râm mát, không có gió heo đê để trồng.

- Trước khi trồng, dùng dao, kéo rạch vỏ bầu, không được làm vỡ bầu hay biến dạng bầu.

- Dùng cuốc, bay khơi rộng lòng hố vừa đủ đặt bầu, chiều sâu cao hơn chiều cao của bầu từ 1-2 cm.

- Đặt cây ngay ngắn, thân thẳng, lấp đất lèn chặt, vun thêm đất mặt xung quanh gốc, cao trên cổ rễ 2 - 3 cm. Các thao tác phải hết sức khéo léo, tuyệt đối không được làm vỡ bầu. Rác thải là túi bầu phải được thu gom để xử lý.

i) Thời vụ trồng

Tiến hành trồng trong 01 tháng, từ tháng 6 đến 31 tháng 8 trong năm lúc có thời tiết thích hợp, khi đất đã đủ ẩm. Chọn ngày râm mát để trồng cây, nếu ngày nắng thì nên trồng vào buổi sáng hoặc chiều mát; tuyệt đối không trồng vào thời điểm nắng gắt hoặc ngày mưa to, gió lớn.

- Trồng dặm: Sau khi trồng từ 8 - 10 ngày phải tiến hành kiểm tra cây trồng, xác định tỷ lệ cây chết. Việc kiểm tra phải tiến hành 2 - 3 đợt sau khi đã trồng chính và trồng dặm xong. Sau mỗi đợt kiểm tra phải xác định cụ thể số lượng cây chết và tiến hành trồng dặm ngay sau khi kiểm tra. Cây con trồng dặm phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật như cây trồng chính. Yêu cầu trong năm đầu tỷ lệ cây sống phải đạt trên 95%.

3.2.2. Biện pháp kỹ thuật chăm sóc rừng trồng

Trong công tác kinh doanh rừng, các biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp áp dụng cho từng rừng trồng, tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt, đáp ứng được mục đích kinh doanh từ rừng có hiệu quả cao là rất quan trọng.

a) Chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất

- Số lần chăm sóc: 2 lần/năm.

+ Lần 1: Từ tháng 2 đến tháng 3 hàng năm.

Tiến hành phát dọn thực bì trên toàn bộ diện tích, gỡ bỏ dây leo quấn quanh thân cây

+ Lần 2: Từ tháng 9 đến tháng 10 hàng năm. Kiểm tra cây chết và đề đề xuất phương án trồng dặm (nếu có).

Tiến hành phát dọn thực bì trên toàn bộ diện tích, gỡ bỏ dây leo quấn quanh thân cây trồng. Giẫy cỏ, xới xáo và bón phân.

b) Chăm sóc rừng trồng năm thứ hai

- Số lần chăm sóc 2 lần/năm:

+ Lần 1: Từ tháng 2 đến tháng 3 hàng năm. Tiến hành phát dọn thực bì trên toàn bộ diện tích, gỡ bỏ dây leo quấn quanh thân cây

+ Lần 2: Từ tháng 9 đến tháng 10 hàng năm. Tiến hành phát dọn thực bì trên toàn bộ diện tích, gỡ bỏ dây leo quấn quanh thân cây trồng. Giẫy cỏ, xới xáo và bón phân.

c) Chăm sóc rừng trồng năm thứ ba

- Số lần chăm sóc 2 lần/năm:

+ Lần 1: Từ tháng 2 đến tháng 3 năm hàng năm. Tiến hành phát dọn thực bì trên toàn bộ diện tích, gỡ bỏ dây leo quấn quanh thân cây

+ Lần 2: Từ tháng 9 đến tháng 10 hàng năm. Tiến hành phát dọn thực bì trên toàn bộ diện tích, gỡ bỏ dây leo quấn quanh thân cây trồng.

d) Chăm sóc rừng trồng năm thứ tư

Phát chăm sóc 1 lần: Từ tháng 9 đến tháng 10 hàng năm. Tiến hành phát dọn thực bì trên toàn bộ diện tích, gỡ bỏ dây leo quấn quanh.

4. Quy trình khai thác rừng trồng

4.1. Thiết kế ngoại nghiệp

Trên cơ sở Hồ sơ thiết kế trồng rừng xác định lại ranh giới, diện tích giữa bản đồ trồng rừng và thực địa. Cụ thể:

- Xác định địa danh và khôi phục hệ thống mốc lô, khoảnh, tiểu khu.
- Phát lại đường lô, khoảnh, tiểu khu có đánh dấu bằng sơn đỏ. Đo đạc lại diện tích bằng máy GPS để xây dựng bản đồ khai thác tỉ lệ 1/10.000.
- Lập ô tiêu chuẩn và đo đếm, tính toán trữ lượng và sản lượng gỗ khai thác.
- + Diện tích ô tiêu chuẩn là 400 m² (dài 20 m, rộng 20 m)

+ Phương pháp lập ô tiêu chuẩn: Lập theo phương pháp ngẫu nhiên, tổng diện tích đo đếm tối thiểu bằng 3% diện tích thiết kế khai thác. Đo chiều cao vút ngọn (H_{vn}), đường kính cây tại vị trí 1,3m ($D_{1,3}$) và mật độ cây.

+ Đo đếm các chỉ tiêu lâm học.

* Đo đường kính ($D_{1,3}$): Đo đường kính tại vị trí 1,3m ($D_{1,3}$) những cây từ 6 cm trở lên, đơn vị tính là cen-ti-met (cm).

* Đo chiều cao vút ngọn (H_{vn}) ít nhất 3 cây sinh trưởng bình thường ở gần tâm ô, có đường kính trung bình của ÔTC, đơn vị tính là mét (m), đo bằng sào.

* Đếm số cây trong ÔTC để tính mật độ cây hiện tại.

Trên cơ sở số liệu điều tra đo đếm trên các ÔTC, tiến hành tính toán các chỉ tiêu $D_{1,3}$; H_{vn} ; N/ha, N/lô và M/lô.

- Trữ lượng được tính theo công thức: $V = G \times H_{vn} \times f$.

Trong đó: G: là tiết diện ngang của thân cây đo tại vị trí $D_{1,3}$ m (Đã trừ vỏ), được tính theo công thức $G = \pi/4 \times D_{1,3}^2$, H_{vn} là chiều cao vút ngọn, f là độ thon ($f = 0,5$).

+ Trữ lượng của lô được tính từ trữ lượng bình quân của ÔTC

- Tỷ lệ lợi dụng gỗ nguyên liệu được tính bằng 70 - 80% trữ lượng cây đứng.

Tính toán các chỉ tiêu bình quân và sản lượng gỗ khai thác:

- Đường kính bình quân (cm).

- Chiều cao bình quân (m).

- Mật độ bình quân (cây/ha).

- Trữ lượng (m^3).

- Sản lượng khai thác (m^3).

Trong đó: - Sản lượng gỗ nguyên liệu (m^3).

- Sản lượng gỗ gia dụng (m^3).

4.2. Phương pháp khai thác

Thực hiện theo quy trình khai thác được mô tả trong sổ tay quản lý chất lượng của Công ty.

Khai thác trắng cục bộ theo diện tích lô, khoảnh, tiểu khu. Không khai thác trắng trên diện tích lớn liền khoảnh, tiểu khu.

4.3. Phương án trồng lại rừng

Sau khi khai thác xong sẽ tiến hành trồng lại rừng ngay trong mùa mưa liền kề.

5. Bảo vệ rừng trồng

Để thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, Công ty đề ra một số giải pháp chủ yếu trong Phương án quản lý bảo vệ rừng như sau:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, kết hợp với các cơ quan chức năng và Chính quyền địa phương sở tại xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giáo dục đến tận người dân ở các khu vực dân cư, bản làng trên địa bàn các Đội, Trạm

Công ty quản lý, để mọi người dân nhận thức thấy rõ tầm quan trọng của công tác BVR và PCCCR.

Chống lấn, chiếm rừng, đất rừng: Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ ranh giới, lâm phận của các Đội, Trạm Công ty quản lý không để tình trạng lấn chiếm rừng, đất rừng xảy ra.

Phối hợp với Chính quyền địa phương trên địa bàn, vận động đồng bào, bản làng cam kết không lấn chiếm rừng, đất rừng, đốt nương làm rẫy.

Bố trí, phân công người theo dõi, giám sát, kiểm tra phát hiện kịp thời các dấu hiệu vi phạm, hiện tượng lấn chiếm xảy ra trên địa bàn để có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Công tác phòng trừ sâu bệnh, người, gia súc phá hại rừng trồng

Tăng cường công tác kiểm tra theo dõi thường xuyên trên diện tích rừng trồng, phát hiện sâu bệnh, côn trùng phá hại để có biện pháp phòng trừ kịp thời.

Tuyên truyền vận động người dân sống trên địa bàn không chăn thả gia súc trên diện tích rừng trồng hàng năm, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương để có những biện pháp răn đe, xử phạt nghiêm minh đối với những trường hợp thả rong gia súc phá hại rừng trồng.

Công tác PCCR: Với phương châm phòng là chính, thực hiện chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ, chữa cháy phải kịp thời, dập tắt ngay ngọn lửa khi mới phát sinh, không để xảy ra cháy rừng.

Chuẩn bị tốt phương tiện, nhân lực, đời sống, y tế.

Tổ chức lực lượng lấy đội ngũ BVR của Công ty làm nòng cốt.

Tổ chức diễn tập, tập huấn, hợp đồng, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên ngành trên địa bàn sở tại.

Đặt biển báo cấm đốt lửa trong rừng, ở những nơi dễ thấy.

6. Biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong công tác trồng rừng

6.1 Quy trình quản lý lửa rừng

Khi thiết lập khu rừng trồng, Công ty luôn tuân thủ các luật và quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và PTNT, cũng như tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững VFCS/PEFC.

Đối với việc xử lý thực bì, Công ty hạn chế và không khuyến khích dùng lửa. Tuy nhiên, một số trường hợp bất khả kháng, yêu cầu phải đốt để xử lý thực bì, Công ty thực hiện các hoạt động sau:

- Tiến hành đánh giá tác động môi trường nhằm xác định các loài động thực vật có giá trị (khu vực rừng có giá trị bảo tồn cao). Khi phát hiện có các giá trị này thì diện tích đó sẽ được chừa lại, tách khỏi diện tích thiết kế.

- Chừa lại những hệ sinh thái quý hiếm dễ bị tổn thương; chừa lại một số cây chết, cây gãy đổ làm nơi cư trú cho các loài côn trùng;

- Thông báo cho các bên liên quan, cơ quan quản lý và các đơn vị cá nhân về kế hoạch đốt xử lý thực bì.

- Phát dọn đường ranh cản lửa giữa các khu vực với bề rộng ít nhất 15m. Chọn thời điểm đốt phù hợp nhằm tránh hiện tượng cháy lan.

- Huy động nhân lực đủ nhằm hỗ trợ quản lý đám cháy.

6.2 Một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Có kế hoạch bảo vệ động, thực vật các vùng lân cận nếu công tác trồng rừng, khai thác rừng trồng có ảnh hưởng.

- Đối với những diện tích có độ dốc lớn, khe suối rộng đặc biệt là các khu vực có các hồ chứa nước sinh hoạt, hồ đập thủy điện cần phải chú ý quan tâm bảo vệ có khoảng cách trừ bỏ nhất định tối thiểu theo qui định của Nhà nước.

- Việc ăn ở, sinh hoạt của người lao động cần phải có khu nhà vệ sinh, nghiêm cấm vứt rác thải bừa bãi trên hiện trường thi công.

- Nếu khu trồng rừng nằm tiếp giáp với rừng tự nhiên thì cần chừa lại vành đai khoảng 25-30 m nằm giữa khu rừng trồng và rừng tự nhiên.

7. Tổng hợp diện tích rừng trồng hiện có của Công ty: 1.455,7 ha (Keo lai 1.351,2 ha và Bạch đàn 104,5 ha).

Trên đây là quy trình quản lý rừng trồng của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, các phòng nghiệp vụ, Đội trực thuộc Công ty và cá nhân có liên quan thực hiện đúng quy trình./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Tổ Giám sát;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Các Đội, Trạm QLBR;
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Hề

